

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA KÌ I MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 9

I. Một số lưu ý về hình thức, thời gian làm bài kiểm tra

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận.
- Thời gian: 60 phút (gồm Lịch sử và Địa lý).
- Đề kiểm tra gồm: 32 câu trắc nghiệm và 2 câu tự luận:
 - + Phân môn Lịch sử: 16 câu trắc nghiệm và 1 câu tự luận.
 - + Phân môn Địa lý: 16 câu trắc nghiệm và 1 câu tự luận.

II. Hướng dẫn ôn tập

A. Phân môn Lịch sử

1. Trọng tâm ôn tập: Kiến thức: từ bài 1 đến hết bài 4 (Lịch sử 9).

2. Một số bài tập tham khảo

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Từ năm 1918 đến năm 1920, để vượt qua những khó khăn thử thách sau Cách mạng tháng Mười chính quyền Xô viết đã thực hiện:

- A. Chính sách kinh tế mới.
- B. Chính sách Cộng sản thời chiến.
- C. Chính sách ngoại giao hòa bình.
- D. tiếp tục cuộc chiến tranh với các nước đế quốc.

Câu 2. Thành tựu quan trọng trên lĩnh vực kinh tế của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là:

- A. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.
- B. tỉ trọng nông nghiệp chiếm đa số trong cơ cấu kinh tế.
- C. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai châu Âu.
- D. trở thành cường quốc nông nghiệp đứng đầu châu Âu.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không phải** là hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô giai đoạn 1925 – 1941?

- A. Mất của đổi giữa công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ.
- B. Mất cân đối giữa ngành công nghiệp và ngành nông nghiệp.
- C. Vi phạm nguyên tắc tự chủ trong công nghiệp hóa.
- D. Vi phạm nguyên tắc tự nguyện trong tập thể hóa

Câu 4. Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)?

- A. Liên Xô giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- B. Là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại.
- C. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đồng minh.
- D. Chiến tranh kết thúc mở ra thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới.

Câu 5. Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện đã tác động như thế nào đến cục diện Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Quân Nhật chính thức ngừng chiến đấu trên các mặt trận.
- B. Khẳng định sức mạnh của Liên Xô và Mĩ.
- C. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc trên toàn mặt trận.
- D. Các nước thuộc địa của Nhật được giải phóng.

Câu 6. Sự kiện nào sau đây châm ngòi cho sự bùng nổ của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Phát xít Đức tấn công Ba Lan (1-9-1939).
- B. Chiến dịch Xta-lin-grát của Hồng quân Liên Xô (11-1942).

C. Nhật tấn công Mỹ tại Trân Châu Cảng (7-12-1941).

D. Phát xít Đức tấn công Liên Xô (6-1941)

Câu 7. Yếu tố nào sau đây thúc đẩy sự hình thành chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật Bản, và sự thắng thế của chủ nghĩa phát xít ở Đức?

A. Nhật Bản xâm lược Trung Quốc (1931).

B. Hít-le trở thành Thủ tướng Đức (1934).

C. Cuộc đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933.

D. Liên Xô trở thành nước công nghiệp (1937).

Câu 8. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Tư tưởng thù ghét chủ nghĩa cộng sản của các nước Mĩ, Anh, Pháp.

B. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường, thuộc địa.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân các nước thuộc địa với các nước đế quốc, thực dân.

D. Lực lượng phát xít thắng thế và lên cầm quyền ở một số nước Âu - Mĩ.

Câu 9. Ngày 6 và ngày 9/8/1945, Mĩ ném bom nguyên tử xuống hai thành phố nào của Nhật Bản?

A. Tô-ki-ô, Ô-xa-ca.

B. Hi-rô-si-ma, Na-gôi-a.

C. Na-gôi-a, Tô-ki-ô.

D. Hi-rô-si-ma, Na-ga-xa-ki.

Câu 10. Ý nào sau đây là mục tiêu của phong trào cách mạng 1918 - 1923 ở châu Âu?

A. Thành lập chính quyền do giai cấp tư sản tiến bộ lãnh đạo.

B. Xây dựng mô hình nhà nước mới theo kiểu nước Nga Xô viết.

C. Yêu cầu chính phủ kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

D. Thành lập tổ chức quốc tế lãnh đạo phong trào công nhân.

Câu 11. Ý nghĩa của sự thành lập Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng ở châu Âu là?

A. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân.

B. Thúc đẩy sự hình thành nhiều nhà nước vô sản.

C. Định hướng sự phát triển của phong trào nông dân.

D. Giành ruộng đất và quyền lợi cho bộ phận tiểu nông.

Câu 12. Trong những năm từ 1918 – 1939, “Chính sách láng giềng thân thiện” được Mĩ tiến hành nhằm cải thiện quan hệ với các nước ở khu vực nào?

A. châu Âu.

B. Mĩ Latinh.

C. Châu Phi.

D. Đông Nam Á.

Câu 13. Nước Mĩ đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 bằng cách nào?

A. Phát xít hoá bộ máy nhà nước.

B. Thực hiện các chính sách ôn hòa.

C. Tiến hành cải cách về kinh tế - xã hội.

D. Phát xít hóa chính trị và cải cách kinh tế.

Câu 14. Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba) được thành lập khi nào?

A. 3/1919

B. 3/1918

C. 7/1920

D. 7/1921

Câu 15. Để vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933), giới cầm quyền Nhật đã chủ trương:

A. quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

B. thực hiện chế độ chuyên chế độc tài phát xít giống như nước Đức.

C. thực hiện Chính sách mới của Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven.

D. thực hiện nền dân chủ, mở cửa, ứng dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật.

Câu 16. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Ấn Độ là thuộc địa của quốc gia nào?

A. Thực dân Pháp.

B. Thực dân Anh.

C. Đế quốc Đức.

D. Đế quốc Mĩ.

Câu 17. Tổ chức nào lãnh đạo các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Đảng Dân chủ.

B. Đảng Đại hội dân tộc.

C. Đảng Quốc đại.

D. Đảng Cộng sản Ấn Độ.

Câu 18. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á phát triển theo hai khuynh hướng nào?

A. Phong kiến và Tư sản.

B. Tư sản và Vô sản.

D. Dân chủ và Vô sản.

Câu 1: a. Nêu hậu quả của chiến tranh thế giới thứ 2 (1939 – 1945)?

Câu 2: Hãy quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi bên dưới



1.8 Nhà máy thủy điện Đni-ép (Dnepr) được xây dựng năm 1927

b. Trong quá trình tồn tại, Liên Xô cũng đã giúp Việt Nam xây dựng một công trình thủy điện mà đến nay vẫn còn giá trị lớn với nền kinh tế nước ta. Em hãy cho biết tên công trình đó?

1. Trong tâm ôn tập: Kiến thức: từ bài 1 đến hết bài 4 (Địa lí 9).

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

A. Kinh B. Tày C. Mông D. Dao

A. Ngô B. Khoai C. Sản D. Lúa

A. Đất đai B. Khí hậu C. Sông ngòi D. Sinh vật

A. Số lượng trâu B. Số lượng bò C. Số lượng lúa D. Số lượng cà phê

A. Chè B. Cà phê C. Cao su D. Hạt điều

A. Trồng được nhiều loài cây có giá trị kinh tế cao.

C. Đa dạng hóa cây trồng và sản phẩm trồng trọt.

Câu 7. Sản xuất nông nghiệp nước ta có tính bất bình chủ yếu do:

B. Diện tích đồi núi rộng lớn, mùa mưa có lũ quét.

C. Giống sinh vật trọng lượng nhỏ, năng suất thấp.

D. Khí hậu diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.

Câu 8. Thuận lợi chủ yếu của dân cư nước ta đối với nông nghiệp là

- A. Tạo thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn.
- B. Làm cho trình độ lao động ngày càng tăng.
- C. Có nhiều lao động có trình độ khoa học cao.
- D. Tạo điều kiện tiếp thu nhanh công nghệ mới.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây không đúng về nông nghiệp nước ta?

- A. Có tỉ trọng lớn trong giá trị sản xuất của nông, lâm nghiệp, thủy sản.
- B. Giảm tỉ trọng trồng trọt, tăng tỉ trọng chăn nuôi, dịch vụ trong cơ cấu.
- C. Ứng dụng ngày càng nhiều các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ.
- D. Phát triển các mô hình nông nghiệp truyền thống, nông nghiệp xanh.

Câu 10. Các cây nào sau đây thuộc vào cây công nghiệp lâu năm?

- A. Cà phê, hồ tiêu, điều.
- B. Mía, lạc, đậu tương.
- C. Cao su, mía, hồ tiêu.
- D. Chè, đậu tương, mía.

Câu 11. Rừng phòng hộ ở nước ta là:

- A. Rừng đầu nguồn các sông, rừng phi lao chắn cát.
- B. Gồm các khu dự trữ sinh quyển và vườn quốc gia.
- C. Rừng trồng gồm keo, bạch đàn... để khai thác gỗ.
- D. Khu bảo tồn thiên nhiên, rừng ngập mặn ven biển.

Câu 12. Quần cư nông thôn nước ta thường có chức năng là trung tâm:

- A. Hành chính và văn hoá.
- B. Chính trị và hành chính.
- C. Đầu mối vận tải và kỹ thuật.
- D. Khoa học và thương mại.

Câu 13. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi nước ta?

- A. Nền nông nghiệp lạc hậu.
- B. Các hủ tục lạc hậu đã được xóa bỏ.
- C. Y tế kém phát triển.
- D. Sự thay đổi trong nhận thức của người dân.

Câu 14: Loại hình quần cư thành thị và nông thôn nước ta không phân biệt dựa vào

- A. Chức năng quần cư
- B. Hoạt động kinh tế.
- C. Kiến trúc cảnh quan.
- D. Quy mô của dân số.

Câu 15. Các vùng có sản lượng gỗ khai thác lớn là

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.
- C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ.

Câu 16. Vùng nuôi trồng thủy sản lớn ở nước ta là:

- A. Đồng bằng sông Hồng
- C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đông Nam Bộ

Câu 17. Các loại vật nuôi chủ yếu ở nước ta là

- A. Trâu, dê, lợn, gia cầm.
- C. Trâu, bò, cừu, gia cầm.
- B. Trâu, bò, lợn, gia cầm.
- D. Trâu, bò, dê, gia cầm.

Câu 18. Nông nghiệp xanh là nền nông nghiệp:

- A. Áp dụng đồng bộ các quy trình công nghệ.
- B. Sử dụng công nghệ hiện đại tiên tiến
- C. Chỉ phát triển rau củ hữu cơ.
- D. Chú trọng tăng năng suất cây trồng vật nuôi.

Phần II. Tự luận

Câu 1: Cho bảng số liệu:

*Tổng sản lượng thủy sản, sản lượng khai thác, sản lượng nuôi trồng
ở nước ta giai đoạn 2010 -2021*

Năm	2010	2015	2020	2021
Tổng số sản lượng thủy sản	5,3	6,7	8,6	8,8
Sản lượng khai thác (triệu tấn)	2,5	3,2	3,9	3,9
Sản lượng nuôi trồng (triệu tấn)	2,7	3,5	4,7	4,9

a) Tính cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010-2021.

b) Nhận xét và giải thích.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa ở nước ta giai đoạn 2010-2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Diện tích (nghìn ha)	7489,4	7828	7278,9	7238,9
Sản lượng (triệu tấn)	40	45,1	42,7	43,9

a) Tính năng suất lúa ở nước ta giai đoạn 2010-2021(tạ/ha)

b) Nhận xét và giải thích.

Câu 3. Nhận xét và giải thích Bảng số liệu sau:

Số lượng một số vật nuôi ở nước ta giai đoạn 2010-2021? Nhận xét và giải thích?

Đơn vị (triệu con)

Vật nuôi	Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm
2010	2,9	5,9	27,3	301,9
2015	2,6	5,7	28,9	369,5
2020	2,3	6,3	22,0	512,7
2021	2,3	6,4	23,1	524,1

Chúc các con ôn tập và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!